

Bản án số: 608/2022/HC-PT  
Ngày 23 - 12 - 2022

V/v khởi kiện Quyết định hành chính

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Duy Nhiệm;

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Mai;

Ông Bùi Xuân Trọng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 336/2022/TLPT-HC ngày 24 tháng 8 năm 2022 về “*Khởi kiện Quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11728/QĐ-PT ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

\* *Người khởi kiện:* Ông Đặng Văn A, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn VX, xã TC, huyện TH, tỉnh Hải Dương;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông A:* Bà Bạch Thị Tuyết A1, sinh năm 1965, có mặt;

Địa chỉ: Phòng 509 - K 12, phường BK, quận HBT, Thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2022);

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:* Ông Lê Ngọc A2, Luật sư Văn phòng Luật sư ĐP, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

\* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện TH, tỉnh Hải Dương;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Vũ Việt A3, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện TH, vắng mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Hoàng Thị Thúy A4, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện, vắng mặt.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị A5, sinh năm 1961, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm 9, thôn VX, xã TC, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

2. Ông Đặng Văn A6, sinh năm 1965, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn 6B, thị trấn E1, huyện E2, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Đặng Thị A7, sinh năm 1968, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn T, xã VL, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

4. Ông Đặng Văn A8, sinh năm 1971, vắng mặt;

Địa chỉ: Số nhà 13, ngõ 12, đường BT, phường ĐK, thành phố LS.

5. Ông Đặng Văn A9, sinh năm 1975, vắng mặt;

Địa chỉ: Số 07, ngõ 12, thôn TC, xã MP, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn.

*\* Người kháng cáo:* Ông Đặng Văn A, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Ngày 20/9/2006, UBND huyện TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất số AB 394349 đối với thửa đất số 279, tờ bản đồ số 12 diện tích 408m<sup>2</sup> đất ở nông thôn, nguồn gốc sử dụng đất do Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị A10. Tuy nhiên, ngày 14/12/2020 UBND huyện TH ban hành Quyết định số 6626/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 6626) thu hồi diện tích 212,1m<sup>2</sup> đối với thửa đất nêu trên, nhưng theo quyết định này thì xác định loại đất thu hồi là đất trồng cây lâu năm; từ đó dẫn đến việc áp dụng đơn giá bồi thường cho gia đình ông không đúng quy định của pháp luật; đồng thời cùng ngày, UBND huyện TH ban hành Quyết định số 6636/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 6636) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ số 59a/HĐBTHT-TĐC (sau đây gọi tắt là phương án 59a). Theo phương án này thì giá đất được bồi thường là 80.000đ/1m<sup>2</sup>, hệ số 1, tổng số tiền gia đình được bồi thường là 16.968.000đ.

Không đồng ý với 02 Quyết định cũng như phương án bồi thường nêu trên, ông Đặng Văn A làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết hủy Quyết định 6626, Quyết định 6636, phương án bồi thường số 59a, đồng thời buộc UBND huyện TH thực hiện thủ tục thu hồi đất, áp dụng đơn giá bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày như sau:*

Nguồn gốc thửa đất nêu trên do ông cha để lại mẹ ông là bà Lê Thị A10, năm 2006 bà A10 được cấp GCNQSD đất; theo GCNQSD đất thì loại đất được xác định là đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài; thửa đất này đã được mẹ ông là bà A10 tặng cho ông theo đơn xin tách đất thổ cư đã được UBND xã TC, huyện TH xác nhận ngày 28/9/2006, đất không có tranh chấp với ai và sử dụng ổn định đến nay. Trong tổng số 408m<sup>2</sup> thì theo Quyết định số 6626 của UBND huyện TH thu hồi diện tích 212,1m<sup>2</sup> để thực hiện dự án xây dựng đường dẫn lên cầu QT, nhưng lại xác định là loại đất trồng cây lâu năm, từ đó lập phương án bồi thường và phê duyệt phương án bồi thường với đơn giá đất trồng cây lâu năm là 80.000đ/1m<sup>2</sup> là không đúng quy định, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu các nội dung nêu trên.

*\* Người bị kiện là UBND huyện TH trình bày:* Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai thể hiện:

Hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299 thì vị trí đất thu hồi của hộ gia đình bà Lê Thị A10 thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 09, loại đất trên bản đồ thể hiện Ch (đất chiêm trũng), trên sổ mục kê thể hiện loại đất 2L, ghi chủ sử dụng là đội 10.

Hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 1997 thể hiện thửa số 236, tờ bản đồ số 12, loại đất 2L ghi tên chủ sử dụng là UBND xã TC.

Hồ sơ đo đạc hiện trạng đất nông nghiệp năm 2006, vị trí đất thu hồi của bà Lê Thị A10 ghi chú trên bản đồ là thổ cư.

Hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2010, vị trí đất thu hồi của hộ bà Lê Thị A10 không thể hiện trên bản đồ.

Hồ sơ cấp GCNQSD đất thể hiện: Trong đơn xin cấp GCNQSD đất lập năm 2001, ký tên người làm đơn “A10” thửa đất số 279, tờ bản đồ số 12, diện tích 408m<sup>2</sup>, loại đất vườn; Hội đồng xét cấp GCNQSD đất xã TC duyệt diện tích 408m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm; thông báo hộ gia đình tự kiểm tra thửa đất đang sử dụng để cấp GCNQSD đất được UBND xã TC lập tháng 6/2001 gửi bà Lê Thị A10 thể hiện thửa đất số 279, diện tích 408m<sup>2</sup>, loại đất V (vườn); ngày 20/9/2006, UBND huyện TH cấp GCNQSD đất số 937, diện tích 408m<sup>2</sup>, thửa số 279, tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng ghi trên trang 2 của GCNQSD đất là đất ở nông thôn, sơ đồ thửa đất tại trang 3 GCNQSD đất ghi là V.

Căn cứ hồ sơ thu hồi thể hiện: Tại biên bản kiểm kê đất đai, tài sản để thu hồi ngày 03/3/2020 thể hiện diện tích thu hồi 212,2m<sup>2</sup> là loại đất trồng cây lâu năm (CLN), thửa số 208, mảnh trích đo địa chính số 4-2020 xã TC, ông A nhất trí và đã ký vào biên bản; ngày 01/10/2020, Hội đồng bồi thường đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ xác định diện tích đất thu hồi là 212,1m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm (CLN), ông Đặng Văn A ký xác nhận; tại thời điểm thu hồi đất thì trên đất không có công trình xây dựng nhà ở. Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất, UBND huyện TH đã ban hành Quyết định số 6626 để thu hồi diện tích đất 212,1m<sup>2</sup> của

bà Lê Thị A10 (do ông A đại diện) xác định là loại đất trồng cây lâu năm, đồng thời ban hành Quyết định số 6636 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ xác định tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 16.968.000đ.

Tại GCNQSD đất UBND huyện TH cấp cho bà Lê Thị A10 ngày 20/9/2006, ghi trên trang 2 là “Đất ở nông thôn” là do có sai sót trong quá trình viết, in GCNQSD đất; căn cứ hồ sơ đề nghị, xét duyệt cấp GCNQSD đất của bà A10 đều thể hiện là “Đất vườn”. Khi lập phương án bồi thường UBND huyện TH đã yêu cầu ông A (là con trai bà A10) có đơn đề nghị và cung cấp GCNQSD đất để UBND huyện thực hiện việc đính chính nhưng gia đình không phối hợp; việc sai sót tại trang 2 của GCNQSD đất chỉ thuộc trường hợp phải đính chính, không thuộc trường hợp phải thu hồi, nên UBND huyện đã không ban hành quyết định thu hồi và việc áp giá bồi thường cho gia đình bà A10 là căn cứ vào nguồn gốc đất để làm căn cứ bồi thường, những hộ đất giống nhau đều được chi trả tiền như nhau; đất của bà A10 là đất trồng cây lâu năm được bồi thường 80.000/1m<sup>2</sup>.

UBND huyện TH khẳng định Quyết định số 6626, 6636 ban hành đúng quy định của pháp luật, nguồn gốc đất của bà A10 xác định là đất trồng cây lâu năm là có căn cứ, nên yêu cầu của ông A cho rằng đất ở nông thôn là không đúng. Do đó, UBND huyện TH không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông A; đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị A7, **Đặng Thị Hợi**, ông Đặng Văn A9 trình bày:*

Nguồn gốc đất của bà A10 mua của ông Trịnh Tố A11 (bố ông Trịnh Tố A12), nguồn gốc đất là của ông cha để lại không biết là loại đất gì, khi bà A10 mất chưa ai làm thủ tục chuyển đổi gì và chưa ai làm thủ tục để chia di sản thừa kế.

***Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định:***

Căn cứ vào Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 1 Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 195; Điều 204; khoản 1 Điều 206; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; căn cứ Điều 62; Điều 66; Điều 69; Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014; Quyết định số 55/2019/QĐ-UBND ngày 24/3/2019 của UBND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của UBND huyện TH; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn A, gồm:

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 6636/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện TH “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để đầu tư xây dựng công trình đường dẫn cầu QT”.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 6626/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện TH “Về việc thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình đường dẫn cầu QT thuộc địa phận xã TC”.

- Bác yêu cầu hủy phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản, cây cối, hoa màu thu hồi để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình số 59a/HĐBTHT-TĐC ngày 01/10/2020 do Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư - UBND huyện TH ban hành.

- Bác yêu cầu buộc UBND huyện TH thực hiện thủ tục thu hồi đất, áp dụng đơn giá bồi thường, giải phóng mặt bằng cho gia đình ông theo giá đất ở là 1.300.000/1m<sup>2</sup>.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/7/2022 người khởi kiện là ông Đặng Văn A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông; tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông A giữ nguyên phạm vi kháng cáo, nhưng thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo là đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

*Người đại diện theo ủy quyền cho ông A trình bày:* Cơ bản giữ nguyên những nội dung mà ông A đã trình bày tại cấp sơ thẩm và cho rằng: Diện tích bị thu hồi là của bà Lê Thị A10 đã được UBND huyện TH cấp GCNQSD đất vào năm 2006 xác định lại loại đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài, nguồn gốc sử dụng đất “Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất”, nhưng Quyết định số 6626 lại xác định là đất trồng cây lâu năm, từ đó dẫn đến áp giá đất để bồi thường cho gia đình ông A không đúng quy định làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông A. Hơn nữa, đất có nguồn gốc của cụ A10, hiện cụ A10 đã chết nhưng ông A không được các thừa kế của cụ A10 ủy quyền đại diện, nhưng UBND huyện TH vẫn xác định ông A đại diện cho cụ A10 để làm thủ tục thu hồi đất là trái pháp luật. Bản án sơ thẩm nhận định việc đính chính GCNQSD đất của cụ A10 đã được UBND huyện TH có thông báo nhưng trong hồ sơ không thể hiện có văn bản này là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Do thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông A trình bày:*

Tại Điều 1 Quyết định số 6626 thể hiện thu hồi đất của hộ bà A10 (đã chết), người đại diện là ông A là không đúng đối tượng thu hồi; đất không phải là thửa số 208, tờ bản đồ số 12; theo GCNQSD đất của UBND huyện TH đã cấp cho cụ A10 xác định là đất ở nông thôn, nhưng quyết định thu hồi đất lại thể hiện là đất trồng cây.

Chưa có văn bản của các thành viên trong gia đình ủy quyền cho ông A đại diện, nhưng Quyết định số 6626 lại thể hiện ông A là người đại diện là không có căn cứ.

Nguồn gốc đất theo người khởi kiện là chính xác, theo hồ sơ đo đạc năm 1997 thể hiện UBND xã TC là không đúng vì nguồn gốc đất là của ông A11; tên chủ sử dụng đất trên hồ sơ quản lý đất đai có nhiều mâu thuẫn nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ; năm 2006 hồ sơ đo đạc cấp GCNQSD đất thể hiện là đất thổ cư, nên đã được UBND huyện chuyển đổi, phù hợp với quy hoạch. Do đó, GCNQSD đất đã cấp cho bà A10 xác định đất ở nông thôn là chính xác, đúng quy định của pháp luật.

UBND huyện TH cho rằng việc cấp GCNQSD đất cho bà A10 có sai sót do đánh máy là không có căn cứ; căn cứ để xác định loại đất là GCNQSD đất nên GCNQSD đất là căn cứ cao nhất.

Theo quy định, nếu không đủ căn cứ xác định loại đất thì phải thu thập ý kiến của những người biết về sự việc.

Vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử là quá thời hạn xét xử theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông A, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Đặng Văn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

*\* Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Quyết định số: 6626/QĐ-UBND, Quyết định số 6636/QĐ-UBND cùng ngày 14/12/2020; Phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản, cây cối, hoa màu thu hồi đất để giải phóng mặt bằng. Đây là các quyết định hành chính cá biệt nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; các quyết định này là của UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai, nên thuộc thẩm quyền

giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ông A làm đơn khởi kiện trong thời hạn 01 năm nên đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lí, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Tuy nhiên, trong vụ án này ngoài yêu cầu xem xét hủy các quyết định hành chính nêu trên, thì ông A còn yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện TH phải thực hiện thủ tục thu hồi đất, áp dụng đơn giá bồi thường, giải phóng mặt bằng cho gia đình ông theo đơn giá 1.300.000đ/m<sup>2</sup>; đây là hành vi hành chính, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định đây là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính này, để xem xét giải quyết, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định đây là đối tượng khởi kiện trong vụ án này là thiếu sót. Tuy nhiên, mặc dù không xác định đây là đối tượng khởi kiện, nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét trong cùng vụ án này là đã đảm bảo được quyền lợi cho đương sự, đúng quy định của pháp luật, không vượt quá phạm vi khởi kiện, nên sai sót này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, nên không cần thiết phải giải quyết lại, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa một số đương sự vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

*\* Về nội dung:*

[3] Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thì thửa đất của bà Lê Thị A10 được thể hiện: Theo bản đồ và sổ mục kê 299 thì thửa đất được xác định là đất 2L; sổ mục kê và bản đồ hiện trạng năm 1997 thể hiện đất 2L; hồ sơ hiện trạng năm 2006 ghi chú trên bản đồ là đất thổ cư; hồ sơ đo đạc hiện trạng đất khu dân cư năm 2010 thì thửa đất không thể hiện trên bản đồ. Toàn bộ hồ sơ cấp GCNQSD đất của bà Lê Thị A10 đều thể hiện là loại đất vườn; phân xét duyệt của hội đồng xét duyệt xác định là loại đất trồng cây lâu năm. Như vậy, căn cứ nguồn gốc sử dụng đất của bà Lê Thị A10 thì thửa đất không phải là đất ở nông thôn, căn cứ hồ sơ quản lý đất thì quá trình sử dụng không có tài liệu nào thể hiện bà A10, cũng như các thành viên khác trong gia đình thực hiện thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở; điều này cũng phù hợp với tài liệu là đơn xin chia đất trồng cây (do ông A giao nộp) thể hiện: Diện tích đất bà A10 cho ông A là đất vườn, phù hợp với lời khai của ông A thể hiện thửa đất số 279, tờ bản đồ số 12, diện tích 408m<sup>2</sup> là của mẹ ông cho ông theo “Đơn xin chia tách đất vườn thổ cư”, đã được UBND xã TC xác nhận; thửa đất này do mẹ ông mua của một người cùng xã là đất trồng cây lâu năm; ông A cũng không khẳng định được việc mẹ ông đã thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng hay chưa; tại phiên tòa phúc

thẩm đại diện theo ủy quyền cho ông A khẳng định ngoài GCNQSD đất đã được UBND huyện TH cấp cho bà A10 xác định là đất ở nông thôn, thì cũng không cung cấp được tài liệu gì chứng minh nguồn gốc sử dụng đất. Do đó, không có căn cứ khẳng định diện tích đất của bà A10 bị thu hồi là đất ở nông thôn như trong trang 2 GCNQSD đất. Điều này cũng phù hợp với ý kiến của UBND huyện TH về việc xác nhận có sai sót trong việc viết, in GCNQSD đất. Bởi vì, cũng tại GCNQSD đất này thì theo sơ đồ thửa đất (tại trang 3) thể hiện là loại đất V. Như vậy, việc UBND huyện TH xác định đất thu hồi của bà Lê Thị A10 thuộc loại đất trồng cây lâu năm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu hủy một phần Quyết định 6626, 6636 và phương án bồi thường, hỗ trợ đất số 59a, thấy: Như đã phân tích ở trên thì việc UBND huyện TH xác định đất thu hồi của bà A10 thuộc loại đất trồng cây lâu năm là đúng quy định. Để thực hiện dự án đường dẫn cầu QT, UBND huyện TH đã thực hiện các bước trình tự về thu hồi đất đúng quy định của pháp luật, thực hiện công tác kiểm tra hiện trạng, kiểm đếm tài sản và xác định diện tích đất và loại đất bị thu hồi; ông Đặng Văn A được tham gia và ký xác nhận vào các biên bản, sau đó Ban bồi thường đã lập phương án bồi thường, thông báo cho gia đình ông A biết. Sau khi thực hiện đầy đủ các bước theo đúng quy định, UBND huyện TH ban hành Quyết định số 6626 để thu hồi đất, đồng thời cùng ngày ban hành Quyết định số 6636 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Lê Thị A10, do bà A10 chết nên ông A (là con) đại diện. Vì vậy, Quyết định số 6626, Quyết định số 6636 và phương án bồi thường hỗ trợ số 59a được ban hành đúng trình tự, theo quy định của pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A để hủy các quyết định nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu của ông A về buộc UBND huyện TH thực hiện thủ tục thu hồi đất, áp dụng đơn giá bồi thường, giải phóng mặt bằng cho gia đình ông theo giá đất ở là 1.300.000/1m<sup>2</sup> thì như đã phân tích ở trên, không có căn cứ xác định diện tích đất bị thu hồi của bà A10 có nguồn gốc là đất ở nông thôn, nên UBND huyện TH đã ban hành quyết định thu hồi đất xác định đó là đất trồng cây lâu năm là đúng quy định, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông A.

Tổng hợp các phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông A là có căn cứ, quá trình giải quyết vụ án, cơ bản Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có thêm tình tiết nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông A, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Về án phí: Kháng cáo của ông A không được chấp nhận, lẽ ra ông phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng ông là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí nên miễn án phí phúc thẩm cho ông A theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*



## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Bác kháng cáo của ông Đặng Văn A; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số: 04/2022/HC-ST ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Đặng Văn A; hoàn trả lại cho ông Đặng Văn A 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 00041123, ngày 08/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### ***Nơi nhận:***

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Duy Nhiệm**